

Bản án số: 34/2019/DS-PT
Ngày 19-4-2019
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa :
Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 4 năm 2019 và ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS – ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ-PT ngày 27/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ-PT ngày 15/3/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2019/QĐ-PT ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 1, ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Diễm H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 120 Quốc Lộ 13, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P : Ông Lê Minh T, sinh năm 1971 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh D , thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Số 751, QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn*: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đỗ Thị Kim V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 4, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P trình bày:

Trước đây bà P có chơi hụi với bà T, sau đó do bà T bị vỡ hụi nên vào ngày 23/7/2017 giữa các bên có viết giấy chốt nợ, thống nhất bà T còn nợ bà P số tiền 174.000.000đồng. Sau khi chốt nợ và thống nhất là tiền vay thì giữa các bên không thỏa thuận lãi suất. Khi viết giấy mượn tiền thì các bên có hẹn bán được tài sản thì bà T sẽ trả nợ và tiếp tục trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Đến nay, bà T mới chỉ trả được cho bà P là 3.000.000đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bà Tám thì đúng là ngày 04/12/2017 bà T có gọi bà Đỗ Thị Kim V, ba bên ngồi tính toán lại và bà T nói bà V trả cho bà P 71.000.000đồng. Bà T chỉ còn nợ lại bà P 100.000.000đồng, ngoài ra có sự thỏa thuận nếu bà V không trả nợ thì bà P không đồng ý cản trừ nợ. Nhưng do bà V không trả tiền cho bà P nên bà P không đồng ý việc cản trừ nợ. Giấy vay tiền của bà V nộp cho Tòa án là không thể hiện việc cản trừ nợ, không có chữ ký của ba bên bao gồm bà V, bà P và bà T nên không là cơ sở cho việc cản trừ nợ giữa các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy vay tiền này. Do đó, yêu cầu phản tố của bà T là không có cơ sở.

Nay bà P yêu cầu bà T có trách nhiệm trả hết số tiền 171.000.000đồng cho bà P. Hình thức trả tiền làm một lần cùng lãi suất kể từ thời điểm vi phạm là thời điểm bà Tám bán được tài sản ngày 23/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 19 ngày với lãi suất là 10%/năm/tổng nợ gốc = 19.000.000đồng + 171.000.000đồng = 190.000.000đồng.

Chứng cứ phía bà P cung cấp là giấy mượn tiền ngày 23/7/2017, biên bản giải quyết tranh chấp tại UBND xã T, đơn đề nghị gửi UBND xã T và các thủ tục khởi kiện theo quy định. Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn hoàn trả tiền nợ gốc và sửa lại nội dung khởi kiện bổ sung về tiền lãi như nội dung đã trình bày ở trên và không cung cấp thêm chứng cứ.

Bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Bà T thống nhất giữa bà và bà P có chơi hụi và sau đó do bà T không có tiền trả nợ bà P nên các bên có chốt lại bà T còn nợ bà P số tiền 174.000.000đồng. Giữa các bên thỏa thuận bà T có vay bà P số tiền trên và viết giấy mượn tiền vào ngày 23/7/2017. Sau đó, do bà V có nợ bà T số tiền 71.000.000đồng nên giữa ba bên có

thỏa thuận cần khoản nợ mà bà V đang nợ bà T thành khoản nợ của bà P. Việc cần nợ có lập thành văn bản thể hiện bà V vay tiền của bà P. Sau đó, bà T có trả thêm cho bà P được số tiền 3.000.000đồng nên hiện tại bà T chỉ nợ bà P số tiền 100.000.000đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà P thì bà T đồng ý trả cho bà P số tiền 100.000.000đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà T xin trả dần số tiền nợ gốc nói trên cho bà P mỗi lần là 30.000.000đồng cho bốn tháng và đồng thời có yêu cầu phản tố bù trừ nghĩa vụ đối với số tiền đã cần trừ nợ cho bà V là 71.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim V trình bày:

Trước đây bà V có chơi hụi do bà T làm chủ hụi nhưng vì bà cũng bị giật hụi nên đối với hụi bà T thì bà V không đóng được và nợ lại bà T 71.000.000 đồng. Sau đó giữa bà T và bà P có mối quan hệ tiền bạc như thế nào thì bà V không rõ mà chỉ nghe nói bà T có nợ bà P số tiền 174.000.000 đồng. Nên cả ba ngồi lại thống nhất chuyển nợ của bà V với bà T cho bà P. Sau đó bà V có viết giấy nợ cho bà P với số tiền 71.000.000 đồng. Trước đây giấy nợ do bà P giữ nhưng sau đó do bà V không có điều kiện để trả nợ nên bà P đưa giấy nợ trả cho bà T thì bà T trả lại giấy nợ cho bà V. Thời gian chuyển giao nợ giữa bà V, bà T và bà P là ngày 04/12/2017 tại nhà bà Tám. Cho đến nay bà V chưa trả được cho bà P số tiền nào.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 171.000.000 đồng thì bà V không có ý kiến gì về nghĩa vụ trả nợ giữa bà T và bà P. Tuy nhiên bà V xác định trước đây bà và bà T, bà P có thỏa thuận chuyển giao số tiền 71.000.000 đồng mà bà nợ bà T thành khoản tiền bà nợ bà P và có viết giấy nợ với nhau nên bà V chỉ chấp nhận hiện bà còn nợ bà P số tiền 71.000.000 đồng còn không nợ bà T nữa. Ngoài ra bà V không có ý kiến gì khác. (BL 31).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Thị Mỹ P.

Chấp nhận yêu cầu phản tố cần trừ nghĩa vụ với số tiền 71.000.000đồng của bị đơn bà Vũ Thị T đối với bà Trần Thị Mỹ P.

Buộc bà Vũ Thị T hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ P số tiền 113.047.000đồng. Bao gồm 100.000.000đồng nợ gốc và 13.047.000đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/11/2018 nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 39/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P và bị đơn bà Vũ Thị T thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ, lãi suất và phương thức trả nợ như sau:

- Về nợ gốc: Bà Vũ Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền nợ gốc: 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

- Phương thức trả nợ: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả nợ gốc cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 171.000.000 đồng thành ba lần cụ thể như sau:

Lần 1: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 20/5/2019 (dương lịch);

Lần 2: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 20/6/2019 (dương lịch);

Lần 3: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng) vào ngày 20/7/2019 (dương lịch);

- Về lãi suất: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về yêu cầu bà T phải trả lãi của số tiền 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm : Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận bà Vũ Thị T chịu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P và bị đơn bà Vũ Thị T thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ, lãi suất, phương thức trả nợ và nghĩa vụ chịu án phí như đã nêu trên.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất đối với số tiền 171.000.000 đồng và bị đơn đồng ý nên cần Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm : Các bên thống nhất thỏa thuận bà Vũ Thị T phải chịu án phí có giá ngạch là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất đối với số tiền 171.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi suất là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngoài ra, cần tuyên trả lại số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, nên nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P với bị đơn bà Vũ Thị T.

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị Mỹ P đối với số tiền 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

2. Bà Vũ Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền nợ gốc: 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

- Phương thức trả nợ: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả nợ gốc cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 171.000.000 đồng thành ba lần cụ thể như sau:

Lần 1: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 20/5/2019 (dương lịch);

Lần 2: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 20/6/2019 (dương lịch);

Lần 3: Bị đơn bà Vũ Thị T sẽ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P số tiền 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng) vào ngày 20/7/2019 (dương lịch);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp. Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ P số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp sau khi đã khấu trừ nghĩa vụ chịu án phí theo biên lai thu tiền số 0004843 ngày 27/7/2018 và biên lai thu tiền số 0004622 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ P không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005017 ngày 29/11/2018.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Loan